|  |  |
| --- | --- |
| Use - case | Nội dung |
| Tên use - case | Đặt vé. |
| Mô tả | Use case cho phép khách hàng dùng hệ thống để đặt vé chuyến bay của mình từ hệ thống. |
| Actor | Khách hàng (Pre)  Nhân viên(Sec) |
| Điều kiện kích hoạt | Khi khách hàng chọn chức năng “đặt vé” từ trang chủ của hệ thống. |
| Tiền điều kiện |  |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng hoạt động chính | 1. Khách hàng đăng nhập vào trang chủ của hệ thống. 2. Hệ thống hiển thị thông tin vé muốn đặt. 3. Nhập thành công hết thông tin, hệ thống hiển thị thông báo đăng nhập thành công. 4. Kết thúc use-case. |
| Luồng hoạt động phụ |  |

**Đặc tả use - case**

|  |  |
| --- | --- |
| Use - case | Nội dung |
| Tên use - case | Tra cứu các chuyến bay. |
| Mô tả | Use-case cho phép Khách hàng hoặc Nhân viên dùng hệ thống để tra cứu thông tin các chuyến bay. |
| Actor | Khách hàng (Pri)  Nhân viên(Sec) |
| Điều kiện kích hoạt | Khi Khách hàng hoặc Nhân viên chọn chức năng “Tra cứu các chuyến bay” từ trang chủ của hệ thống. |
| Tiền điều kiện |  |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng hoạt động chính | 1. Khách hàng vào trang chủ của hệ thống sau đó chọn chức năng “Tra cứu chuyến bay”. 2. Hệ thống hiển thị danh sách các chuyến bay được phép hoạt động và thông tin cơ bản của các chuyến bay đó. 3. Kết thúc use-case. |
| Luồng hoạt động phụ |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use - case | Nội dung |
| Tên use - case | Tìm kiếm thông tin khách hàng. |
| Mô tả | Use – case cho phép Khách hàng hay Nhân viên tìm kiếm thông tin của khách hàng đặt hoàn tất chuyến bay từ hệ thống. |
| Actor | Khách hàng(Pri)  Nhân viên(Sec) |
| Điều kiện kích hoạt | Khi Khách hàng hay Nhân viên chọn chức năng “Tìm kiếm thông tin” từ hệ thống. |
| Tiền điều kiện | Khách hàng đã phải đặt vé hoàn tất chuyến bay của mình. |
| Hậu điều kiện | Khách hàng kiểm tra thành công. |
| Luồng hoạt động chính | 1. Hệ thống hiển thị màn hình Tìm kiếm thông tin. 2. Người dùng nhập các thông tin cần thiết để tìm kiếm. 3. Hệ thống hiển thị thông báo thông tin tìm kiếm. 4. Nếu tìm kiếm thành công hệ thống hiển thị màn hình thông tin cần tìm. 5. Kết thúc use-case. |
| Luồng hoạt động phụ | 1. Nếu người dùng nhập thông tin không chính xác. 2. Hệ thông hiển thị thông báo kết quả tìm kiếm bị lỗi hoặc không tìm thấy. 3. Quay lại bước 2 trong luồng sự kiện chính. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use - case | Nội dung |
| Tên use - case | Thanh toán. |
| Mô tả | Use – case cho phép khách hàng thanh toán khi đặt vé máy bay từ hệ thống. |
| Actor | Khách hàng |
| Điều kiện kích hoạt | Khi khách hàng chọn chức năng “thanh toán” từ hệ thống. |
| Tiền điều kiện | Khách hàng phải điền xong những thông tin cần thiết và lựa chọn xong vé cần đặt. |
| Hậu điều kiện | Khách hàng đã hoàn tất xong phần “đặt vé”. |
| Luồng hoạt động chính | 1. Hệ thống hiển thị màn hình thanh toán sau khi hoàn tất thông tin đặt vé. 2. Người dùng chọn hình thức thanh toán qua các cổng thanh toán. 3. Nếu thành công hệ thống hiển thị màn hình thông báo thanh toán hoàn tất. 4. Kết thúc Use-case. |
| Luồng hoạt động phụ | 1. Nếu người dùng nhập thông tin không chính xác. 2. Hệ thống hiển thị thông báo thông tin không hợp lệ. 3. Quay lại bước 2 trong luống sự kiện chính. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use - case | Nội dung |
| Tên use - case | Lập báo cáo. |
| Mô tả | Use-case cho phép nhân viên lập báo cáo thu nhập theo tháng. |
| Actor | Nhân viên. |
| Điều kiện kích hoạt | Là “nhân viên” khi chọn chức năng “Lập báo cáo” từ hệ thống. |
| Tiền điều kiện | Là “nhân viên” chính thức của hệ thống và có tài khoản trên hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Nhân viên dùng tài khoản của mình đăng nhập hệ thống thành công. |
| Luồng hoạt động chính | 1. Hệ thống hiển thị màn hình “đăng nhập” khi nhân viên chọn chức năng “Lập báo cáo”. 2. Nhân viên nhập thông tin tài khoản của mình. 3. Nếu thành công hệ thống hiển thị màn hình thông báo đăng nhập thành công. 4. Hiển thị màn hình giao diện chọn “lập báo cáo” và cho phép Nhân Viên lập báo cáo. 5. Kết thúc Use – case. |
| Luồng hoạt động phụ | 1. Nếu Nhân viên đăng nhập tài khoản không chính xác. 2. Hệ thống hiển thị thông báo lỗi đăng nhập. 3. Quay lại bước 2 từ luồng hoạt động chính. 4. Nhân viên có thể chọn “Xử lí lỗi đăng nhập” khi có sự cố. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use - case | Nội dung |
| Tên use - case | Quản lí khách hàng. |
| Mô tả | Use case cho phép Nhân viên sử dụng hệ thống để quản lí các thông tin của khách hàng đã đặt vé máy bay. |
| Actor | Nhân viên. |
| Điều kiện kích hoạt | Khi Nhân viên cho chức năng “Quản lí khách hàng” từ trang chủ của hệ thống. |
| Tiền điều kiện | Nhân viên phải có tài khoản trên hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Nhân viên dùng tài khoản của mình đăng nhập thành công vào hệ thống. |
| Luồng hoạt động chính | 1. Hệ thống hiển thị màn hình “đăng nhập” khi người dùng chọn chức năng “Quản lí khách hàng”. 2. Nhân viên nhập thông tin tài khoản của mình. 3. Nếu đăng nhập thành công hệ thống sẽ hiển thị giao diện “Quản lí khách hàng” cho người dùng. 4. Kết thúc use-case. |
| Luồng hoạt động phụ | 1. Nếu người dùng đăng nhập thông tin không chính xác. 2. Hệ thống hiển thông báo lỗi đăng nhập. 3. Quay lại bước 2 từ luồng hoạt động chính. 4. Nhân viên có thể chọn “Xử lí lỗi đăng nhập” khi gặp sự cố. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use - case | Nội dung |
| Tên use - case | Quản lí chuyến bay. |
| Mô tả | Use case cho phép nhân viên đăng nhập vào hệ thống để thực hiện chức năng “Quản lí các chuyến bay” của mình. |
| Actor | Nhân viên. |
| Điều kiện kích hoạt | Khi Nhân viên chọn chức năng “Quản lí chuyến bay” từ hệ thống. |
| Tiền điều kiện | Nhân viên đã có tài khoản đăng nhập trên hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Nhân viên dùng tài khoản của mình đăng nhập thành công vào hệ thống. |
| Luồng hoạt động chính | 1. Hệ thống hiển thị màn hình “đăng nhập” khi người dùng chọn chức năng “Quản lí chuyến bay” từ hệ thống. 2. Nhân viên nhập đúng thông tin đăng nhập của mình. 3. Nếu đăng nhập thành công hệ thống sẽ hiển thị giao diện “Quản lí chuyến bay” cho người dùng hệ thống. 4. Kết thúc use case. |
| Luồng hoạt động phụ | 1. Nếu người dùng đăng nhập bằng thông tin không chính xác. 2. Hệ thống hiển thị thống báo lỗi đăng nhập. 3. Quay lại bước 2 từ luồng hoạt động chính. 4. Nhân viên có thể chọn “Xử lí lỗi đăng nhập” khi gặp sự cố. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use - case | Nội dung |
| Tên use - case | Quản lí nhân viên. |
| Mô tả | Use case cho phép người quản trị sử dụng hệ thống để quản lí các nhân viên của mình. |
| Actor | Admin |
| Điều kiện kích hoạt | Khi người quản trị chọn chức năng “quản lí nhân viên” từ hệ thống. |
| Tiền điều kiện |  |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng hoạt động chính | 1. Hệ thống hiển thị giao diện “quản lí nhân viên” khi người quản trị chọn chức năng “quản lí nhân viên”. 2. Kết thúc use case. |
| Luồng hoạt động phụ |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use - case | Nội dung |
| Tên use - case | Thay đổi quy định. |
| Mô tả | Use case cho phép “người quản trị” hệ thống chỉnh sửa các thông tin quản trọng về các quy định trong các chuyến bay. |
| Actor | Admin |
| Điều kiện kích hoạt | Khi “người quản trị” chọn chức năng “thay đổi quy định” từ hệ thống. |
| Tiền điều kiện |  |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng hoạt động chính | 1. Hệ thống hiển thị giao diện “thay đổi giao diện” khi người quản trị chọn chức năng “thay đổi quy định”. 2. Kết thúc use case. |
| Luồng hoạt động phụ |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use - case | Nội dung |
| Tên use - case |  |
| Mô tả |  |
| Actor |  |
| Điều kiện kích hoạt |  |
| Tiền điều kiện |  |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng hoạt động chính |  |
| Luồng hoạt động phụ |  |